

# ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐẶC TÍNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ĐẾN TÍNH TRUNG THỰC CỦA THÔNG TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH: ĐỊNH HƯỚNG MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU CHO CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

INFLUENCE OF CORPORATE GOVERNANCE CHARACTERISTICS ON THE INTEGRITY OF INFORMATION FINANCIAL STATEMENTS: RESEARCH MODEL ORIENTATION FOR COMPANIES LISTED ON STOCK EXCHANGES IN VIETNAM

Phạm Thu Huyền<sup>1,\*</sup>, Đào Thị Nhung<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

Sau hàng loạt các vụ bê bối kế toán trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, tính trung thực của thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) đã trở thành mối quan tâm lớn của các cổ đông cũng như nhà đầu tư Việt Nam. Trên cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu, bài báo này định hướng mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của các đặc tính quản trị doanh nghiệp (cụ thể là hội đồng quản trị và ban kiểm soát) đến tính trung thực của thông tin BCTC phù hợp với các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất mô hình nghiên cứu là tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo khi đánh giá ảnh hưởng của các đặc tính quản trị đến tính trung thực của thông tin BCTC cho các doanh nghiệp.

**Từ khóa:** Quản trị doanh nghiệp, tính trung thực, báo cáo tài chính.

## ABSTRACT

After a series of accounting scandals in the world in general and in Vietnam in particular, the truthfulness of the information on Financial Statements has become a major concern of Vietnamese shareholders and investors. Male. On the basis of the theory and research overview, this paper orientates the research model of the influence of corporate governance characteristics (namely the board of directors and the supervisory board) on the integrity of information Financial statements are suitable for companies listed on stock exchanges in Vietnam. From there, the proposed research model is the premise for the next studies when assessing the impact of the governance features on the integrity of financial statements information for businesses.

**Keywords:** Corporate governance, honesty, financial reporting.

<sup>1</sup>Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

\*Email: phamthuhuyen@hau.edu.vn

Ngày nhận bài: 25/01/2021

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 15/6/2021

Ngày chấp nhận đăng: 25/4/2022

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuối những năm 1990 và đầu thế kỷ 21, thế giới đã chứng kiến hàng loạt các vụ bê bối tài chính của các công ty lớn như Enron, Tyco, Xerox... Nguyên nhân cốt lõi của các vụ bê bối này thường là do ý đồ che giấu kết quả tài chính thực sự, vì lẽ đó giá trị trung thực của thông tin trên báo cáo tài chính thực sự bị ảnh hưởng và che khuất những sự thật mà các bên liên quan nên biết. Tại Việt Nam, sự không trung thực trong cung cấp thông tin thể hiện ở chênh lệch trước và sau kiểm toán, ví dụ như chênh lệch lợi nhuận sau thuế của tổng công ty khí Việt Nam (GAS) trước và sau lên tới 646 tỷ đồng năm 2018. Hay nhiều nhà đầu tư đã bị "đánh lừa" bởi những con số đẹp được trình bày trên các bản Báo cáo tài chính đã được kiểm toán điển hình như trường hợp Công ty cổ phần bông Bạch Tuyết năm 2007... đã kinh doanh thua lỗ song BCTC vẫn thể hiện kết quả ấn tượng mà ngay cả các công ty kiểm toán lớn như ACC và Ernst & Young cũng không phát hiện ra, khiến cho hàng nghìn nhà đầu tư thua lỗ vì đã tin tưởng vào BCTC đã được kiểm toán của công ty kiểm toán này.

Thông tin BCTC là do các nhà quản lý doanh nghiệp lập và công bố. Với nhiều lý do khác nhau, họ có xu hướng công bố thông tin BCTC không phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình hoạt động của công ty. Từ đó ảnh hưởng đến tính hữu ích của thông tin BCTC đối với người sử dụng khi ra quyết định, gây khó khăn cho việc giám sát của các cơ quan nhà nước, giảm niềm tin của công chúng và làm ảnh hưởng đến tính hiệu quả của thị trường vốn. Tính trung thực của thông tin BCTC chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong đó quản trị doanh nghiệp được quan tâm nhiều trong hơn thập niên gần đây. Thực tiễn nhiều nghiên cứu cho thấy rằng quản trị doanh nghiệp tốt sẽ dẫn đến thông tin BCTC có chất lượng cao và ngược lại chất lượng

thông tin BCTC thấp phần lớn xuất phát từ những doanh nghiệp có mô hình quản trị doanh nghiệp yếu kém [8], cho rằng quản trị công ty là yếu tố để tăng cường độ tin cậy của thông tin tài chính và tính toàn vẹn của quá trình lập báo cáo tài chính. Bài báo này nhằm mục đích tổng hợp các nghiên cứu thực nghiệm về ảnh hưởng của quản trị doanh nghiệp đến tính trung thực của thông tin BCTC để từ đó định hướng một mô hình nghiên cứu cho các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam.

## 2. CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để giải quyết mục đích đã đặt ra, nhóm tác giả đặt ra các câu hỏi nghiên cứu cụ thể sau:

+ Bản chất và những đặc trưng cơ bản của quản trị doanh nghiệp, tính trung thực của thông tin trên báo cáo tài chính là gì?

+ Để xác định tác động của quản trị doanh nghiệp tới tính trung thực của thông tin trên báo cáo tài chính sử dụng mô hình lý thuyết nào?

Trong bài báo này, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để hệ thống hóa lý thuyết về quản trị doanh nghiệp và tính trung thực của thông tin BCTC từ những nghiên cứu trước đây trên thế giới và Việt Nam. Qua đó để xuất mô hình nghiên cứu về tác động của quản trị doanh nghiệp tới tính trung thực của thông tin trên báo cáo tài chính ở các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán ở Việt Nam.

## 3. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 3.1. Những vấn đề cơ bản về quản trị doanh nghiệp

Nguồn gốc về quản trị doanh nghiệp phát sinh từ sự phân tách quyền sở hữu với quyền quản lý ở các công ty đại chúng. Sự tách biệt này đã giải quyết được mâu thuẫn giữa vốn và năng lực điều hành giữa nhà đầu tư và nhà quản lý đồng thời cũng làm nảy sinh nguy cơ xung đột lợi ích, khiến cho hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp không đạt mức tối ưu, gây thiệt hại cho các nhà đầu tư. Trong mối quan hệ giữa nhà đầu tư và nhà quản lý, cả hai bên đều mong muốn tối đa hoá lợi ích của mình, tuy nhiên điều kiện để tối đa hoá lợi ích của hai bên không giống nhau. Nhà đầu tư muốn tối đa hoá lợi ích của mình thông qua việc tăng giá trị doanh nghiệp, còn lợi ích của nhà quản lý thường gắn trực tiếp với thu nhập nhận được. Do nhà quản lý là người trực tiếp điều hành hoạt động của doanh nghiệp nên họ có thể thực hiện những hành vi hay quyết định nhằm tối đa hoá lợi ích cho cá nhân mình nhưng lại làm tổn hại đến lợi ích của nhà đầu tư. Từ thực trạng nêu trên, do đó cần phải có một cơ chế được đặt ra để các nhà đầu tư (chủ sở hữu) và các bên liên quan kiểm soát việc điều hành công ty nhằm mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho công ty nói chung và nhà đầu tư nói riêng. Quản trị doanh nghiệp hình thành nhằm giải quyết mối quan hệ uỷ quyền trong công ty, qua đó các bên có liên quan cùng kiểm soát nhằm ngăn ngừa vấn đề lợi dụng quyền hạn của các nhà quản lý nhằm tối đa hoá lợi ích cho bản thân cũng như nhóm người cùng lợi ích. Quản trị

doanh nghiệp là một khái niệm đa chiều được nhiều nghiên cứu đề cập đến theo cách tiếp cận khác nhau. Quản trị doanh nghiệp là một hệ thống bao gồm con người, quy trình và hoạt động có thể giúp đảm bảo và quản lý tài sản. Đồng quan điểm này có các nghiên cứu coi đây là công cụ quan trọng để theo dõi các hoạt động quản lý ở doanh nghiệp [7]. Dưới góc độ nhà đầu tư, quản trị doanh nghiệp là cam kết trả một khoản lợi nhuận xứng đáng trên vốn đầu tư và đảm bảo vận hành hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ nguồn vốn đầu tư. Từ những trích dẫn trên cho thấy tồn tại nhiều định nghĩa khác nhau về quản trị doanh nghiệp, không có một định nghĩa duy nhất về quản trị công ty có thể áp dụng cho mọi trường hợp và mọi thể chế, mọi quốc gia. Tuy nhiên, hầu hết các khái niệm ở nghiên cứu đều đặt doanh nghiệp vào vị trí trung tâm, do đó có thể tổng kết lại: *Quản trị doanh nghiệp là một hệ thống các mối quan hệ giữa các bên liên quan có các lợi ích khác nhau, đôi khi là những lợi ích xung đột có liên quan tới việc định hướng và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp nhằm phân chia quyền lợi và trách nhiệm một cách phù hợp và qua đó làm gia tăng lợi ích của các cổ đông.*

### 3.2. Tính trung thực của thông tin báo cáo tài chính

BCTC là sản phẩm của kế toán tài chính, là đầu ra của hệ thống thông tin kế toán, phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính, kết quả tài chính của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của số đông những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế, nó cũng cho thấy kết quả quản lý của ban giám đốc đối với các nguồn lực được giao phó cho họ. Để đáp ứng những thay đổi trong môi trường kinh doanh quốc tế theo xu hướng hội nhập, thông tin BCTC ngày nay được hiểu theo nghĩa rộng, đa chiều hơn [3]. Song, dù theo nghĩa nào thì thông tin BCTC cung cấp phải đảm bảo được tính hữu ích với người sử dụng [12]. Vì thế nhiều nghiên cứu, nhiều quan điểm của các tổ chức nghề nghiệp kế toán ở nhiều quốc gia đều thống nhất mô tả giá trị hữu ích của thông tin trên báo cáo tài chính cung cấp thông qua mô tả cụ thể các đặc tính và yêu cầu.

Quan điểm của chuẩn mực kế toán quốc tế được ban hành bởi Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) mô tả tính trung thực là một trong các đặc tính chất lượng cơ bản của thông tin trên BCTC. Đó là việc mô tả, phản ánh những hiện tượng kinh tế đúng với ý nghĩa của chúng. Trình bày trung thực chỉ đạt được khi diễn giải của một sự kiện kinh tế phải được đầy đủ, trung lập và không có những sai sót trọng yếu. Những thông tin tài chính được trình bày trung thực sẽ thể hiện được bản chất của hiện tượng kinh tế thông qua các giao dịch, sự kiện hoặc các yếu tố, điều mà không phải lúc nào cũng đạt được dưới hình thức pháp lý.

Trên cơ sở đó, nhiều nghiên cứu đã mô tả chi tiết, cụ thể hơn về đặc tính trung thực của thông tin trên BCTC được nhóm tác giả tổng hợp thông qua các đặc điểm cụ thể sau:

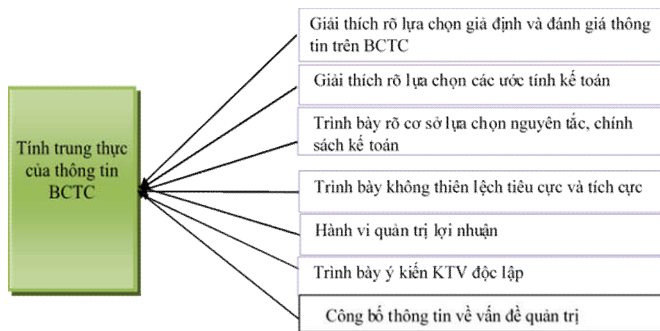
- Tính trung thực được thể hiện qua sự giải thích rõ ràng các giả định và đánh giá thông tin trên báo cáo tài chính. Điều này giúp cho người sử dụng BCTC cũng như kiểm toán viên có sự đồng nhất và phát hiện những sai sót.

- Khi lập BCTC, doanh nghiệp phải giải thích được sự lựa chọn các ước tính kế toán không thiên lệch như thế nào đến người sử dụng. Đồng quan điểm này, Beest và cộng sự cũng cho rằng việc giải thích rõ ràng cơ sở lựa chọn các nguyên tắc, chính sách kế toán sẽ làm gia tăng tính trung thực của thông tin trên BCTC.

- Thông tin trên BCTC trung thực nếu nó mang tính khách quan và cân bằng, nghĩa là BCTC được trình bày không nhằm mục đích hướng ý kiến cũng như hành vi nhà đầu tư vào một hướng đã định nào đó. Mặc dù để đạt được sự không thiên lệch trên thực tế hoàn toàn là rất khó. Do đó, doanh nghiệp nên nêu bật các sự kiện một cách tích cực và tiêu cực khi thảo luận về kết quả hàng năm.

- Để phản ánh được sự trung thực của thông tin trên BCTC cần phải có ý kiến của một bên thứ ba có đủ kiến thức xem xét dữ liệu cơ bản đó là kiểm toán viên độc lập. Các nghiên cứu trước đây đều kết luận rằng báo cáo kiểm toán làm tăng giá trị thông tin BCTC. Báo cáo kiểm toán chấp nhận toàn phần là điều kiện cần thiết để thông tin BCTC trình bày trung thực. Mặt khác, những doanh nghiệp được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán thuộc nhóm Big4, thì chất lượng thông tin BCTC của doanh nghiệp sẽ tốt hơn.

- Trình bày trung thực của thông tin BCTC còn được thể hiện qua công bố rộng rãi các thông tin quản trị doanh nghiệp. Nhiều nghiên cứu trước đây cho thấy mối tương quan giữa chất lượng thông tin BCTC với quản trị doanh nghiệp và kiểm soát nội bộ. Quản trị và kiểm soát yếu kém làm giảm chất lượng thông tin BCTC. Đặc biệt hơn, thông tin quản trị doanh nghiệp góp phần làm tăng khả năng trình bày trung thực của thông tin.



Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

Hình 1. Các đặc tính trình bày trung thực của thông tin BCTC

#### 4. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC ĐẶC TÍNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ĐẾN TÍNH TRUNG THỰC CỦA THÔNG TIN BCTC

Quản trị doanh nghiệp phải đảm bảo công bố những thông tin tài chính và phi tài chính phù hợp và trung thực cho cổ đông. Để thông tin BCTC trung thực cần có cơ chế kiểm soát hiệu quả hoạt động lập, trình bày và công bố BCTC. Chức năng kiểm soát trong quản trị doanh nghiệp nhằm theo dõi, giám sát, kiểm tra quy trình lập, trình bày và công bố thông tin BCTC. Hầu hết các nghiên cứu trước đây khi xem xét mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và tính trung thực của thông tin BCTC đều nhằm vào Hội đồng

quản trị và Ủy ban kiểm toán. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán với tư cách là đại diện cổ đông giám sát Ban điều hành [13] và họ được kỳ vọng giám sát chất lượng BCTC nhằm gia tăng tính trung thực của các thông tin trên BCTC. Các yếu tố quản trị doanh nghiệp như: Ban điều hành, hội đồng quản trị, ủy ban kiểm toán và các kiểm toán viên thực hiện vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính trung thực của thông tin BCTC.

#### 4.1. Hội đồng quản trị

Mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và BCTC là không thể phủ nhận. Sự trung thực của BCTC phụ thuộc rất nhiều vào các đặc tính của quản trị doanh nghiệp. Nói một cách khác, hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trong vấn đề giám sát quá trình lập BCTC của doanh nghiệp.

##### Quy mô Hội đồng quản trị

Quy mô Hội đồng quản trị thể hiện số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty. Với đặc tính này, các nghiên cứu đưa ra những quan điểm khác nhau, tập trung vào bs hướng: (a) Quy mô hội đồng quản trị có quan hệ tích cực đến tính trung thực của thông tin BCTC. Cùng quan điểm này, Xie.B kết luận rằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị càng lớn thì hành vi quản trị lợi nhuận càng ít, độ trung thực của BCTC càng cao [24]. Đây cũng là kết luận tương đồng với nhiều nghiên cứu về sự minh bạch của báo cáo kế toán qua đó góp phần tăng cường chất lượng thông tin kế toán [17]. Quan điểm thứ hai (b) cho rằng quy mô Hội đồng quản trị ảnh hưởng ngược chiều với tính trung thực của thông tin BCTC. Quan điểm thứ ba (c) cho rằng quy mô Hội đồng quản trị không có liên quan đến tính trung thực của thông tin BCTC...

##### Thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị

Thành viên độc lập trong hội đồng quản trị là thành viên không có trách nhiệm điều hành công ty và cũng không phụ thuộc vào công ty, họ chỉ tham gia cung cấp giải pháp và giám sát cho tổng giám đốc. Sự xuất hiện của các thành viên không điều hành trong hội đồng quản trị sẽ giúp cải thiện chất lượng công bố thông tin tài chính. Các nghiên cứu này cho rằng những thành viên độc lập của Hội đồng quản trị có xu hướng bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông nhiều hơn. Theo nghiên cứu [14] đã xem xét 880 báo cáo được công bố lại của 465 công ty niêm yết Sở giao dịch chứng khoán Thượng Hải và Thẩm Quyển Trung Quốc cho rằng tỷ lệ thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị càng cao thì mức độ công bố lại BCTC càng ít. Và đặc tính này cũng góp phần là giảm gian lận BCTC. Quan điểm rằng sự tồn tại của các thành viên hội đồng quản trị không điều hành đóng vai trò giám sát quan trọng để duy trì tính toàn vẹn và độ tin cậy của báo cáo tài chính được công bố được nhiều nhà khoa học ủng hộ. Tuy nhiên, không thấy sự tương quan giữa tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập với quản trị lợi nhuận ở các công ty niêm yết tại Trung Quốc. Ngược lại, khác với những nghiên cứu trên, có nghiên cứu kết luận khi đưa ra bằng chứng các thành viên Hội đồng quản trị độc lập có dính líu về những gian lận được phát hiện có liên quan về thông tin tài chính mà công ty công bố.

### **Kiểm nhiệm hai chức danh**

Chủ tịch hội đồng quản trị có quyền kiểm soát hoạt động doanh nghiệp và có ảnh hưởng đến mức độ giám sát quản lý và quá trình báo cáo tài chính của doanh nghiệp, Một trong những yêu cầu của quản trị doanh nghiệp là tăng cường chức năng giám sát thông qua việc hạn chế tập trung quyền lực. Việc kiểm nhiệm hai chức danh Tổng giám đốc (CEO) và Chủ tịch Hội đồng quản trị thường có xu hướng tập trung quyền lực vào một người. Nhà quản lý khi có cả động cơ và cơ hội thì họ sẽ thực hiện hành vi quản trị lợi nhuận từ đó dẫn đến tính trung thực của thông tin BCTC thấp. Sự tách biệt vai trò giám đốc điều hành (CEO) và chủ tịch hội đồng quản trị dường như có tác động tích cực đến chất lượng thông tin kế toán. Trong nghiên cứu của mình không tìm thấy sự tương quan nào giữa việc kiểm nhiệm với công bố tự nguyện thì hầu hết các nghiên cứu khác đều kết luận rằng việc kiểm nhiệm hai chức danh đều dẫn đến tính trung thực của thông tin BCTC thấp [7]. Việc kiểm nhiệm hai chức danh sẽ dẫn đến gian lận BCTC.

### **Thành viên Hội đồng quản trị có chuyên môn kế toán tài chính**

Chuyên môn kế toán tài chính của hội đồng quản trị là một yếu tố khác của đặc điểm hội đồng quản trị có thể ảnh hưởng tới việc công bố thông tin báo cáo tài chính. Giám đốc có chuyên môn về kế toán là các chuyên gia có kỹ năng, có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán tài chính. Với những thành viên có chuyên môn sẽ giúp Hội đồng quản trị trong định hướng và chiến lược giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, kiểm soát sự thao túng và đảm bảo tính trung thực của thông tin BCTC. Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy chuyên môn tài chính là một yếu tố quyết định đến chất lượng báo cáo tài chính. Mặc dù vẫn có số ít ý kiến trái chiều, nhưng hầu hết đều cho thấy sự hiện diện các thành viên có chuyên môn kế toán tài chính trong Hội đồng quản trị, đặc biệt các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ góp phần nâng cao chất lượng thông tin BCTC. Điển hình có các nghiên cứu cho rằng sự hiện diện các thành viên Hội đồng quản trị độc lập có chuyên môn kế toán tài chính giúp Hội đồng quản trị giám sát tốt hơn quy trình lập BCTC từ đó giảm hành vi gian lận BCTC. Trong khi đó, nghiên cứu 400 công ty niêm yết tại Malaysia đã không tìm thấy bằng chứng nào có sự liên quan giữa thành viên có chuyên môn và tính trung thực của thông tin BCTC.

### **Tần suất cuộc họp của Hội đồng quản trị**

Tần suất cuộc họp Hội đồng quản trị thể hiện số lần tổ chức cuộc họp của Hội đồng quản trị trong một đơn vị thời gian nào đó, thường là một năm. Tần suất cuộc họp càng cao giúp cho các thành viên Hội đồng quản trị có nhiều thời gian thảo luận về những vấn đề kế hoạch và giám sát Ban điều hành. Theo [24], cho rằng Hội đồng quản trị có nhiều cuộc họp thì có quan hệ tích cực trong việc giảm hành vi gian lận, tăng tính trung thực của thông tin trên BCTC.

### **4.2. Ủy ban kiểm toán**

Trong mô hình quản trị doanh nghiệp, đặc biệt mô hình một cấp (như Anh và Mỹ), hầu như bắt buộc phải có Ủy ban

kiểm toán là một tiểu ban trực thuộc hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có vai trò rất lớn trong việc xác nhận BCTC thường niên cũng như tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Chính vì vậy, các nghiên cứu về mối liên hệ giữa quản trị doanh nghiệp và tính trung thực của thông tin BCTC, ngoài hội đồng quản trị còn có sự quan tâm đến Ủy ban kiểm toán.

### **Sự hiện diện của Ủy ban kiểm toán**

Những nghiên cứu về thuộc tính này tập trung vào những quốc gia đang phát triển như Malaysia, Kuwait... hoặc mô hình quản trị hai cấp như Trung Quốc, Indonesia.... Ở những quốc gia này việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị đặc biệt là Ủy ban kiểm toán không mang tính chất bắt buộc như mô hình một cấp tại những nước đang phát triển như Mỹ, Anh... Đại diện xu hướng nghiên cứu này như: phát hiện những công ty có sự hiện diện của Ủy ban kiểm toán thì ít xảy ra hành vi gian lận; xem xét 880 báo cáo được công bố lại của 465 công ty niêm yết Sở giao dịch chứng khoán Thượng Hải và Thẩm Quyển, Trung Quốc đã kết luận những công ty không có Ủy ban kiểm toán thì mức độ trung thực của thông tin BCTC thấp [14].

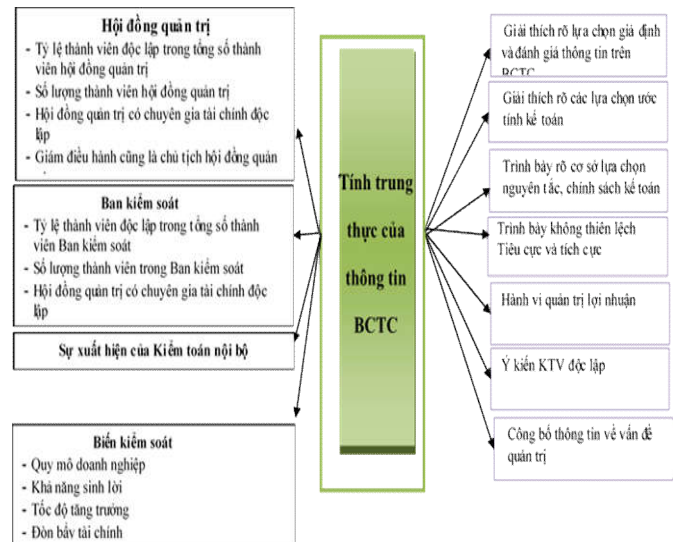
### **Sự độc lập và thành viên có chuyên môn của Ủy ban kiểm toán**

Thuộc tính này muốn nói đến số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán không tham gia trong hoạt động điều hành hằng ngày của doanh nghiệp, cũng như kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính của các thành viên Ủy ban kiểm toán. Sự hiệu quả của Ủy ban kiểm toán phụ thuộc rất nhiều vào tính độc lập và kiến thức chuyên môn của các thành viên Ủy ban kiểm toán. Mặc dù có ý kiến trái chiều, nhưng hầu hết các nghiên cứu đều cho thấy sự độc lập và kiến thức chuyên môn của các thành viên trong Ủy ban kiểm toán đều các tác động tích cực với các khía cạnh trung thực của thông tin BCTC. Bên cạnh đó, nghiên cứu [25] về 208 công ty Mỹ, với biến phụ thuộc là kiểm soát nội bộ về BCTC, tác giả cho rằng hệ thống kiểm soát nội bộ yếu khi trong Ủy ban kiểm toán có ít chuyên gia về kế toán và tài chính. Theo [4], xem xét 77 công ty niêm yết tại Mỹ về sự tương quan giữa chất lượng BCTC thông qua việc sử dụng điểm số AIMR (The Association for Investment Management and Research), tác giả đã kết luận kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính của thành viên Ủy ban kiểm toán có quan hệ thuận với tính trung thực của thông tin BCTC. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của mình tác giả cho thấy không có sự tương quan giữa các thành viên độc lập trong Ủy ban kiểm toán với tính trung thực của thông tin BCTC.

## **5. THẢO LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Việc tổng quan các kết quả nghiên cứu về ảnh hưởng của đặc tính quản trị doanh nghiệp đến tính trung thực của thông tin BCTC đều cho thấy cơ chế quản trị của hội đồng quản trị và ủy ban kiểm toán có ảnh hưởng đến tính trung thực của thông tin trên BCTC. Mặc dù, kết quả của các

nghiên cứu vẫn còn những ý kiến trái chiều nhưng nhìn chung có thể do giải thích nguyên nhân là do sự khác nhau về phương pháp nghiên cứu, sự khác biệt về hệ thống pháp luật từng quốc gia, cơ cấu sở hữu từng doanh nghiệp, quy chế quản trị doanh nghiệp và văn hóa của từng quốc gia. Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu đi trước, nhóm tác giả đã xây dựng mô hình kiểm tra và đánh giá mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp với tính trung thực của thông tin trên BCTC tại các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, do Ủy ban kiểm toán là tiểu ban của hội đồng quản trị trong mô hình quản trị một cấp trong khi đó theo luật doanh nghiệp Việt Nam 2014, công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình: (1) Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị, ban kiểm soát và giám đốc/tổng giám đốc; (2) Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và giám đốc/tổng giám đốc. Như vậy, trong mô hình quản trị của các công ty đại chúng ở Việt Nam không có Ủy ban kiểm toán mà lại có Ban kiểm soát. Trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán là tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc thông qua BCTC hàng năm, xem xét tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, xem xét tính hiệu quả chức năng kiểm toán nội bộ. Còn theo Luật doanh nghiệp Việt Nam 2014 thì Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong tổ chức công tác kế toán và lập BCTC, thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh... Có thể thấy, Ủy ban kiểm toán và Ban kiểm soát có vai trò tương tự nhau. Do đó, trong mô hình áp dụng cho các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam, tác giả sẽ thay thế các đặc tính Ủy ban kiểm toán thành đặc tính Ban kiểm soát. Mặc dù, nhưng hầu hết các nghiên cứu trước đó đều chưa xem xét đến sự hiện diện của Kiểm toán nội bộ trong đặc tính của quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, Kiểm toán nội bộ với chức năng là dịch vụ đảm bảo và tư vấn của doanh nghiệp, được kỳ vọng góp phần nâng cao chất lượng thông tin BCTC. Nhiệm vụ chính của Kiểm toán nội bộ có liên quan đến chất lượng thông tin BCTC đó là: (a) đảm bảo sự thích hợp và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc đạt được mục tiêu, (b) xem xét quy trình lập BCTC nhằm đảm bảo chất lượng và tính chính trực để cung cấp thông tin trung thực, thích hợp, hữu ích cho quá trình ra quyết định. Xuất phát từ chức năng Kiểm toán nội bộ, nhóm tác giả cho rằng sự xuất hiện của đặc tính này có liên quan làm giảm gian lận, hành vi quản trị lợi nhuận trong doanh nghiệp. Mặt khác, với quan điểm tính trung thực là một đặc tính của chất lượng thông tin trên BCTC, trong các nghiên cứu về chất lượng thông tin trên BCTC trước đây, hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng cho rằng quy mô của công ty [5], tốc độ tăng trưởng, khả năng sinh lời [4] và đòn bẩy tài chính [17] có tác động đến chất lượng thông tin BCTC. Trên cơ sở phân tích, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu tác động của các đặc tính quản trị doanh nghiệp đến tính trung thực của thông tin BCTC của các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam tác giả bổ sung thêm đặc tính Sự xuất hiện của kiểm toán nội bộ, biến kiểm soát: quy mô DN, khả năng sinh lời, tốc độ tăng trưởng, đòn bẩy tài chính như hình 2.



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Hình 2. Mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của các đặc tính quản trị doanh nghiệp đến tính trung thực của thông tin trên BCTC doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam

## 6. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh Việt Nam đã và đang trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế một cách mạnh mẽ với việc gia nhập nhiều tổ chức tài chính, hiệp định thương mại quốc tế... để có thể phát triển bền vững và cạnh tranh một cách lành mạnh với các công ty nước ngoài cũng như bước ra thị trường quốc tế thì việc một doanh nghiệp có hệ thống quản trị tốt là điều rất quan trọng, mang lại nhiều lợi thế. Bài báo đã trình bày một cách tổng quan các tài liệu về lý thuyết cũng như thực nghiệm về ảnh hưởng của các đặc tính quản trị doanh nghiệp đến tính trung thực của thông tin trên BCTC. Đồng thời, nghiên cứu cũng đề xuất mô hình đánh giá ảnh hưởng của quản trị công ty đến thông tin trên BCTC của các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam hy vọng sẽ trở thành công cụ hữu ích cho quản lý doanh nghiệp. Trên cơ sở mô hình nghiên cứu trên các nghiên cứu trong tương lai có thể tiến hành nghiên cứu định lượng với mẫu là các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam để xem xét liệu các cơ chế quản trị đang áp dụng tại nước ta có làm tăng tính trung thực của các thông tin trên BCTC nhằm giảm thiểu xung đột lợi ích giữa chủ sở hữu và nhà quản trị. Trong quá trình thu thập dữ liệu từ các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục điều chỉnh từng khía cạnh cụ thể của mô hình này để trở nên phù hợp trực tiếp với các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Abbott Lawrence J., Parker Susan, Peters Gary F., 2004. *Auditing Characteristics and Restatements*. Auditing: A Journal of Practice & Theory Vol 23, No.1. pp 69-87.

[2]. Ahmed K., Hossain M., Adams M. B., 2006. *The effects of board composition and board size on the informativeness of annual accounting earnings*. An International Review, Vol. 14, pp. 418-431.

- [3]. Ali Shah S. Z., Ali Butt S., Hasan A., 2009. *Corporate Governance and Earnings Management an Empirical Evidence Form Pakistani Listed Companies*. European Journal of Scientific Research, ISSN 1450-216X Vol.26 No.4, pp.624-638.
- [4]. Andrew J. Felo, Srinivasan Krishnamurthy, Steven A. Solieri, 2003. *Audit Committee Characteristics and the Perceived Quality of Financial Reporting: An Empirical Analysis*. SSRN Electronic Journal.
- [5]. Anna Watson, Philip Shrivrs, Claire Marston, 2002. *Voluntary Disclosure of Accounting Ratios in the UK*. British Accounting Review. Vol. 34, pp.289-313.
- [6]. Circular No. 121/2012/TT-BTC dated July 26, 2012 of the Ministry of Finance prescribing the company management applicable to public companies.
- [7]. Cheng, Courtenay, 2006. *Board composition, regulatory regime and voluntary disclosure*. The International Journal of Accounting 41, 262–289.
- [8]. Cohen J., Krishnamoorthy G., Wright A., 2004. *The corporate governance mosaic and financial quality*. Journal of Accounting Literature, 87 - 152.
- [9]. Dang Thi Thuy Hang, 2011. *Thuc trang va giai phap cho van de cong bo thong tin ke toan cua cac doanh nghiep niem yiet Viet Nam*. Journal of SCIENTIFIC Research Auditing, <http://www.khoahockiemtoan.vn/Category.aspx?newsID=426>
- [10]. International Finance Coporation, 2004. *Cac nguyen tac quan tri cong ty tua OECD*.
- [11]. Ferdy van Beest, Geert Braam, Suzanne Boelens, 2009. *Quality of financial reporting: measuring qualitative characteristics*. Nice working paper, 09 - 108.
- [12]. Healy, Palepu, 2001. *Information asymmetry, corporate disclosure, and the capital markets: A review of the empirical disclosure literature*. Journal of Accounting and Economics 31 (2001) 405–440.
- [13]. Hillman Amy J., Dalziel Thomas, 2003. *Boards of Directors and Firm Performance: Intergrating Agency and Resource Dependence Perspectives*. Academy of Management Review, Vol 28, No.3, 383-396.
- [14]. Huang Zhizhong, Zhang Juan, 2011. *Does corporate governance affect restatement of financial reporting? Evidence from China*. [www.emeraldinsight.com/2040-8749.htm](http://www.emeraldinsight.com/2040-8749.htm).
- [15]. Julia Nasev, Bernard Black, Woochan Kim, 2012. *Does Corporate Governance Affect Earnings Management? Evidence from an Exogenous Shock to Governance in Korea*. <http://ssrn.com/abstract=2133283>.
- [16]. Liu Q., Lu Z., 2007. *Corporate governance and earnings management in the Chinese listed companies: A tunneling perspective*. Journal of Corporate Finance 13, 881-906.
- [17]. Nguyen Trong Nguyen, 2010. *Nâng cao chất lượng báo cáo tài chính các công ty niêm yết thông qua quản trị công ty*. Journal oh Accounting No, 4, 35-39.
- [18]. Robert M. Bushman, Smith A., 2001. *Financial Accounting Information and Corporate Governance*. [www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0165410101000271](http://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0165410101000271).
- [19]. Shamsul Nahar Abdullah et al, 2010. *Financial Restatements and corporate governance among Malaysian Listing Companies*. [http://irep.iium.edu.my/15021/1/Financial\\_restatements\[1\]\\_15201.pdf](http://irep.iium.edu.my/15021/1/Financial_restatements[1]_15201.pdf).
- [20]. Sori Z. M., et al, 2007. *Audit committee authority and effectiveness: The perceptions of Malaysian senior managers*. International Research Journal of Finance and Economics, Vol. 8, pp. 41-56.
- [21]. IFC, 2010. *Cam nang quan tri cong ty*. Agriculture Publishing House.
- [22]. Wan Adibah Wan Ismail, Keitha Dunstanb, Tony van Zijl, 2010. *Earnings Quality and Corporate Governance Following the Implementation of Malaysian Code of Corporate Governance*. [http://works.bepress.com/keitha\\_dunstan/5/](http://works.bepress.com/keitha_dunstan/5/).
- [23]. Watson, Shrivrs, Marston, 2002. *Voluntary disclosure of accounting ratios in the UK*. British Accounting Review, Vol.34, pp, 289-313.
- [24]. Xie B, Davidson W. N., 2001. *Earning Management and Corporate Governance: The Roles of The Board and The Audit Committee*. [http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract\\_id=304195](http://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=304195).
- [25]. Yan Zhang, Jian Zhou, Nan Zhou, 2006. *Audit Committee Quality, Auditor Independence, and Internal Control Weaknesses*. <http://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0278425407000208>.

---

#### AUTHORS INFORMATION

**Pham Thu Huyen, Dao Thi Nhung**

Faculty of Accounting - Auditing, Hanoi University of Industry